

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 312/TTr-SKHCN ngày 02 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản sau:

a) Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các cơ quan nhà nước, cơ sở xét công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực (hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

c) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

Điều 4. Cơ sở xét công nhận sáng kiến

Cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Điều 02 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan; người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến quyết định việc công nhận sáng kiến theo quy định.

2. Trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thuộc nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau, các đồng tác giả thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận sáng kiến và cơ sở thực hiện việc xét, công nhận sáng kiến theo quy định của pháp luật.

3. Việc xét công nhận sáng kiến phải bảo đảm tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

4. Trường hợp phát hiện người nộp đơn không phải là tác giả sáng kiến, đối tượng được công nhận không đáp ứng điều kiện công nhận sáng kiến hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác thì cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến

Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

b) Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng lao động sáng tạo của mình; việc xác định tỷ lệ đóng góp do các đồng tác giả tự thống nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Sáng kiến có đồng tác giả thuộc nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau thì việc đề nghị xét, công nhận sáng kiến phải có ý kiến thống nhất của các đồng tác giả về việc nộp đơn đề nghị xét công nhận sáng kiến.

Chương II

CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN VÀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Điều 7. Công nhận sáng kiến

1. Yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến:

Thực hiện theo Điều 6 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Xét công nhận sáng kiến:

Thực hiện theo Điều 7 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP hoặc kể từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu đối với trường hợp sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

Trong quá trình xét công nhận, cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và thực hiện một trong các nội dung sau đây:

- Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến, trừ trường hợp từ chối công nhận sáng kiến;

- Từ chối công nhận sáng kiến nếu đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; đồng thời thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

c) Việc công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

d) Đối với sáng kiến được tạo ra bằng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật do Nhà nước đầu tư, trường hợp người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến đồng thời là tác giả sáng kiến thì việc công nhận chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

- Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ nơi cơ sở đặt trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

5. Hủy bỏ công nhận sáng kiến:

Việc hủy bỏ công nhận sáng kiến thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 8. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến

a) Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định việc thành lập Hội đồng sáng kiến theo quy định của pháp luật; trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP thì việc đánh giá sáng kiến phải được thực hiện thông qua Hội đồng sáng kiến.

Theo Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, thành phần Hội đồng sáng kiến gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến; đại diện tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra từ nguồn kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật do Nhà nước đầu tư mà người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến đồng thời là tác giả sáng kiến thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được tham gia với tư cách thành viên.

2. Nguyên tắc làm việc, quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến một cách khách quan, trung thực dựa theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

b) Ý kiến đánh giá của Hội đồng sáng kiến được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín và chỉ được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng đồng ý.

c) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ các ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng, làm cơ sở để người đứng đầu cơ sở xem xét, quyết định việc công nhận sáng kiến.

d) Kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 9. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

1. Việc xét chấp thuận công nhận sáng kiến được thực hiện theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP. Cơ quan có thẩm quyền chủ trì việc xem xét, quyết định và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong trường hợp cần thiết.

2. Việc xét chấp thuận công nhận sáng kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 11. Phổ biến sáng kiến

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại Điều 14 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Khuyến khích, hỗ trợ việc kết nối, chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến; hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ sở khác.

c) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

d) Công bố, phổ biến, áp dụng các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện cơ sở vật chất - kỹ thuật. Việc công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến phải bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

e) Trực tiếp chỉ đạo triển khai phong trào thi đua về sáng kiến, áp dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc tạo ra, áp dụng sáng kiến được xem xét là một trong các tiêu chí, căn cứ theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Khuyến khích Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang thông tin điện tử; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ sở công nhận sáng kiến có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích các tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến được xem xét biểu dương, khen thưởng hoặc áp dụng các hình thức khuyến khích khác theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

Điều 13. Chi phí cho hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

Chi phí cho hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Phân công trách nhiệm

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện và nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nếu có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn, các sở, ban, ngành, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tham mưu tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện việc xem xét, chấp thuận công nhận sáng kiến theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

h) Hướng dẫn, hỗ trợ tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

i) Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến.

k) Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương theo mẫu và thời hạn quy định tại Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến tại cơ sở.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở.

c) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục của Quy định này) về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định theo thẩm quyền./.

Phụ lục**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA ĐƠN VỊ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND)**TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG
SÁNG KIẾN TỪ ĐẾN**Kính gửi:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk**I. Công tác truyền thông****1. Kết quả hoạt động:**

Kết quả triển khai các hoạt động phổ biến sáng kiến tại địa phương (tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến, hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến từ kinh phí nhà nước, hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến...):

.....
.....**2. Nhận xét:**.....
.....**II. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo****1. Kết quả hoạt động:**

Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo tại địa phương (tổ chức hội thi sáng tạo, triển lãm, diễn đàn sáng kiến, tổng kết khen thưởng hoạt động sáng kiến...):

.....
.....**2. Nhận xét:**.....
.....**Nơi nhận:**

-.....

-.....

Thủ trưởng

(Ký tên và đóng dấu)

(Kèm theo Báo cáo số/.....ngày...../..... của)

[illegible][illegible]

3. Sáng kiến của các đối tượng khác (nông dân, học sinh, sinh viên, người lao động tự do,...):

- Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:
- Tổng số sáng kiến được công nhận:
- Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:
- Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:
- Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:
- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:

4. Hoạt động chuyển giao sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả
1					
2					

5. Cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân	Kinh phí hỗ trợ của nhà nước	Dự kiến kết quả (Khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)
1					
2					

6. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ
1			
2			